TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI** Số: **1819/**2024/QĐST-VHNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Biên Hòa, ngày 17 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2714/2024/TLST-VHNGĐ ngày 03/12/2024 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **La Hoàng T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố A, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Cao Thị Ngọc L**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố A, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chúng tôi có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017 đăng ký ngày 04/01/2017. Trong nhiều năm chung sống chúng tôi có những mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống, suy nghĩ, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng chúng tôi không còn hòa thuận, việc chung sống không còn hạnh phúc cho cả hai bên. Chúng tôi đã cố gắng hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, con cái chúng tôi có một gia đình hoàn chỉnh. Tuy nhiên, cho đến nay, chúng tôi vẫn không thể hoà hợp, không thể mang lại hạnh phúc cho nhau cũng như xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nay chúng tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố BH xem xét giải quyết cho chúng tôi được thuận tình ly hôn để cả hai chúng tôi ổn định, mỗi người sớm có cuộc sống mới.

[2]. Về con chung: Có 01 (*một*) con chung là cháu La Hoàng N, sinh ngày 07/11/2017. Thống nhất giao cháu La Hoàng N cho bà Cao Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông La Hoàng T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

[3]. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông La Hoàng T và bà Cao Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) ông La Hoàng T và bà Cao Thị Ngọc L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004880 ngày 26/11/2024.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông La Hoàng T và bà Cao Thị Ngọc L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (*một*) con chung là cháu La Hoàng N, sinh ngày 07/11/2017. Giao cháu La Hoàng N cho bà Cao Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông La Hoàng T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng nuôi sống bản thân.

Ông La Hoàng T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông La Hoàng T và bà Cao Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) ông La Hoàng T và bà Cao Thị Ngọc L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004880 ngày 26/11/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (GCNKH 02 ngày 04/01/2017);
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc